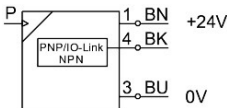


Cảm biến áp suất SPA-E-V1R-F-PNLIK-2.5K

Số bộ phận: 8001444



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Giấy phép	Dấu RCM c UL us - Recognized (OL)
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Cơ quan cấp chứng chỉ	UL E322346
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Kích thước đo	Áp suất tương đối
Phương pháp đo lường	Cảm biến áp suất Piezoresistive với màn hình hiển thị
Dải đo áp suất Giá trị ban đầu	0 MPA 0 bar
Giá trị ban đầu dải đo áp suất	0 psi
Dải đo áp suất Giá trị cuối	-0.1 MPA -1 bar
Dải đo áp suất giá trị cuối	-14.5 psi
Ap suất quá tải	0.5 MPA
áp suất quá tải	5 bar 72.5 psi
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu
Nhiệt độ trung bình	0 °C...50 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
Độ phân giải ADC	10 bit
Độ chính xác theo ±% FS	1.5 %FS
Độ chính xác lặp lại theo ± %FS	0.3 %FS
Hệ số nhiệt độ tính bằng ±% FS / K	0.05 %FS/K
Đầu ra chuyển mạch	PNP/NPN có thể chuyển đổi
Chức năng chuyển mạch	Có thể lập trình tự do
Chức năng phần tử chuyển mạch	Cơ cấu mở Cơ cấu đóng có thể hoán đổi
Thời gian bật	1 ms
Thời gian tắt	1 ms

Đặc tính	Giá trị
Dòng điện đầu ra tối đa	100 mA
Vùng hiển thị giá trị ban đầu	0 %FS
Vùng hiển thị giá trị cuối	99 %FS
Chống chịu ngắn mạch	có
Giao thức	Kết nối IO-Link
IO-Link, phiên bản giao thức	Thiết bị V 1.1
Liên kết IO, hồ sơ	Cấu hình cảm biến thông minh
IO-Link, các lớp chức năng	Kênh dữ liệu nhị phân (BDC) Biến dữ liệu quy trình (PDV) Nhận diện Chẩn đoán Kênh dạy
IO-Link, Communication mode	COM2 (38,4 kBaud)
IO-Link, hỗ trợ chế độ SIO	Có
IO-Link, Port class	A
IO-Link, độ rộng xử lý dữ liệu OUT	0 Byte
IO-Link, xử lý độ rộng dữ liệu IN	2 Byte
IO-Link, nội dung dữ liệu quá trình IN	14 bit PDV (Giá trị đo áp suất) 2 bit BDC (Giám sát áp suất)
IO-Link, thời gian chu kỳ tối thiểu	3 ms
IO-Link, yêu cầu bộ nhớ dữ liệu	0.5 KB
Dải điện áp hoạt động DC	18 V...30 V
Chống phân cực	cho tất cả các kết nối điện
Cổng nối điện	3 lõi Cáp đầu mở
Chiều dài cáp	2.5 m
Kiểu gắn	với lỗ thông và vít
Vị trí lắp đặt	bất kì
Cổng nối khí nén	Mặt bích
trọng lượng sản phẩm	40 g
Vật liệu vỏ	PA gia cố
Vật liệu vòng đệm kín	FPM
Kiểu hiển thị	Màn hình LED 2 chữ số
(Các) đơn vị có thể hiển thị	%FS
Hiển thị trạng thái chuyển mạch	Đèn LED màu vàng
Các tùy chọn cài đặt	Liên kết IO Teach-In thông qua màn hình và các nút
Chống can thiệp	Mã PIN
Khoảng cài đặt giá trị ngưỡng	1 %...98 %
Mức độ bảo vệ	IP40
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Loại phòng sạch	Loại 4 theo ISO 14644-1